| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÚK**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2018.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Chinh, bà Cao Thị Thúy Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà:*** **Ông Lê Quý Tỉnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng M, sinh năm 1986 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1982 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Đình T đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ tháng 5/2018 cho đến nay, chị M và anh T đã sống ly thân. Hiện nay, chị M không còn tình cảm yêu thương và không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị Lê Thị Hồng M và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Khôi N, sinh ngày 21/11/2010. Hiện nay, cháu N đang ở cùng với

chị M. Sau ly hôn, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Khôi N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đình T hợp lệ, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như biên bản hòa giải, Tòa án ghi nhận ý kiến của anh T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị Hồng M đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng vẫn sống và sinh hoạt như bao cặp vợ chồng khác. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng đôi lúc cãi vã nhau, nguyên nhân cãi vã là do anh T có chút hiểu lầm chị M và anh T cũng nóng tính. Anh T cho rằng những việc như vậy không phải là mâu thuẫn lớn, hai vợ chồng anh vẫn có thể hòa giải và hàn gắn được. Từ tháng 6/2018 cho đến nay, anh và chị M đã sống ly thân. Tuy nhiên, anh T vẫn còn tình cảm yêu thương chị M rất nhiều và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Do vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T và chị Lê Thị Hồng M được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh T và chị Lê Thị Hồng M có 01 con chung với nhau là cháu Nguyễn Đình Khôi N, sinh ngày 21/11/2010. Nếu ly hôn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Khôi N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vi phạm Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Đình Khôi N, sinh ngày 21/11/2010 cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng M và anh Nguyễn Đình T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/10/2009. Theo chị M trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống chung và công việc làm ăn vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía bị đơn anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh T cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, anh T vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con và không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống tại thôn E, xã P giữa chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ, do chị M và anh T không báo với hội phụ nữ, ban tự quản thôn hoặc tổ hòa giải của thôn nên tổ hòa giải của thôn chưa hòa giải cho anh chị lần nào.

Tại phiên tòa chị M vẫn cương quyết xin ly hôn anh T , xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay, nên cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Đình Khôi N, sinh ngày 21/11/2010 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay cháu N đang ở với chị M. Vì vậy giao con chung là cháu Nguyễn Đình Khôi N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;*

*- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:*** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng M. Chị M được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

*Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Đình Khôi N, sinh ngày 21/11/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

***Về án phí***: Chị Lê Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004863 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
*- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;*
*- VKSND huyện Krông Búk;*
*- UBND xã P;*
*- Các đương sự;*
*- THADS huyện Krông Búk;*
*- Lưu VT; hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Lê Anh Thái**